

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 15/11/2024
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Phương và ông Nguyễn Tử Lượng.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** ông Đặng Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị N, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Mai Xuân H, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Mai Xuân H.

Tại phiên tòa: có mặt chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Mai Xuân H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống của vợ chồng và cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi đánh nhau. Năm 2015 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến cuối năm 2018 chị về nước thì cũng vì nguyên nhân trước kia mà vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2019 vợ chồng bất đồng anh H đánh chị, chị đã phải báo cáo chính quyền địa phương, chính quyền địa phương đã xuống giải quyết lập biên bản làm việc nhưng do UBND xã không còn lưu giữ nên chị không cung cấp biên bản cho Tòa án được. Tháng 5/2019 chị làm đơn xin ly hôn anh H nhưng được Tòa án huyện H hòa giải chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Chị đưa các con chung về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai về mọi mặt từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân đã lâu để ổn định cuộc sống, đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh Mai Xuân H.

Chị và anh H có ba con chung là các cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007, cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 và cháu Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn chị xin được nuôi cả 03 con chung, trường hợp không được chị xin nuôi cháu Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Sau khi chị đi xuất khẩu lao động các con ở với anh H nhưng anh H thường xuyên đánh đập, mắng chửi nên các con phải lên sống cùng với bố mẹ để chị là bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Thành V tại thôn Q, xã N, huyện H cho đến nay. Chị vẫn thường xuyên gửi tiền về để bố mẹ nuôi dưỡng và nộp tiền học cho các con. Từ khi các con lên sống cùng với bố mẹ chị, anh H không thăm nom hay chu cấp gì cho các con. Việc anh H xin nuôi cả ba con chị không đồng ý.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Xuân H trình bày:

Thời gian và điều kiện kết hôn, như chị Phạm Thị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn không hoàn toàn đúng như chị N trình bày. Anh chị kết hôn năm 2006 tại UBND xã N chung sống đến 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống nên có cãi vã, va chạm. Đến tháng 10/2015 chị N đi xuất khẩu lao động còn anh ở nhà chăm sóc các con, thời gian khoảng 01 năm đầu sau khi chị N đi xuất khẩu lao động vợ chồng vẫn liên lạc nói chuyện bình thường chị N có gửi tiền về cho anh 03 lần, đến 2018 chị N về nhà thì vợ chồng phát sinh cãi chửi đánh nhau nguyên nhân cũng chỉ là từ những việc nhỏ nhặt trong gia đình. Tháng 5/2019 chị N nộp đơn xin ly hôn nhưng sau khi Tòa án hòa giải chị N đã rút đơn về anh chị tiếp tục sống chung đến 28/6/2019 chị N lại tự ý tiếp tục đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu thỉnh thoảng vợ chồng có liên lạc hỏi han chuyện gia đình, sau đó thì không còn

liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau cho đến nay. Bản thân anh cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nay chị N xin ly hôn quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh thấy mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, mặt khác anh chị ly hôn thì con cái sẽ thiếu tình cảm của bố, mẹ, hơn nữa anh là người công giáo nên không ký thuận tình ly hôn với chị N được.

Vợ chồng anh có ba con chung là các cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007, Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 và Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013. Từ tháng 7/2019 các cháu sống cùng ông bà N1 là ông V, bà L1, nếu giải quyết ly hôn anh xin nuôi cả 03 con chung vì chị N thường xuyên đi làm ăn xa còn anh lao động tự do và sinh sống tại địa phương, anh đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh với mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H.

- Về con chung: giao cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 cho anh Mai Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Hiện các con chung đang sống cùng bố mẹ đẻ chị N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 cùng anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu K, cháu T đủ 18 tuổi.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, anh Mai Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: anh không đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giao cháu Mai Thành L cho mẹ nuôi và cũng không đồng ý quyết định của Tòa án về việc cho ly hôn giữa anh với chị Phạm Thị N; đề nghị xem xét lại phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tại đơn trình bày ngày 09 tháng 8 năm 2024, anh Mai Xuân H có ý kiến: anh là người trực tiếp nuôi dạy các cháu trong suốt 13 năm, các cháu ở với anh

đều mạnh khỏe, ngoan ngoãn, lễ phép, kinh phí nuôi dạy các cháu ăn học do anh làm ra, trong khi đó chị N không chu cấp, tiền bạc gửi về ngoại. Hiện nay chị N đã sang Đài Loan được hơn hai tháng và có ý định sẽ định cư lâu dài, thường xuyên vắng nhà không trực tiếp nuôi dạy các cháu mà phải nhờ tới người khác, các cháu sẽ không có người dạy bảo, ảnh hưởng trực tiếp đến đạo đức và lối sống của các cháu sau này. Anh là người có điều kiện nhà cửa đất đai, thời gian trực tiếp nuôi dưỡng các cháu trưởng thành trở thành công dân tốt cho xã hội. Anh là người công giáo, không được phép đi xây dựng gia đình mới vì thế anh sẽ toàn tâm toàn ý để nuôi dạy các cháu. Anh có đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của một người cha để nuôi cả ba cháu. Vợ chồng anh sống với nhau 18 năm 06 tháng, chăm chỉ làm ăn, theo nhận xét của mọi người gia đình anh khá yên ấm, được công nhận là gia đình văn hoá; tuy nhiên trong cuộc sống không tránh khỏi va chạm, cãi vã nhưng số lần không nhiều, mức độ không nghiêm trọng. Năm 2019, vợ anh đã có đơn xin ly hôn sau đó lại rút đơn về đoàn tụ, từ đó đến nay không xảy ra mâu thuẫn gì, như vậy sự việc của vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được, Toà án huyện H cho ly hôn là không thoả đáng. Anh đề nghị cho gia đình anh được hoà thuận, các cháu có đủ cả cha lẫn mẹ, gia đình ấm no, hạnh phúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Mai Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Mai Xuân H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Anh Mai Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của anh Mai Xuân H được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Mai Xuân H nhận thấy:

[2.1] Chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2006 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình phù hợp với các quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân

giữa chị Phạm Thị N với anh Mai Xuân H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã, va chạm do phát sinh từ việc nhỏ nhặt trong cuộc sống. Đến tháng 10/2015 chị N đi xuất khẩu lao động, khoảng 01 năm đầu sau khi chị N đi xuất khẩu lao động vợ chồng vẫn liên lạc nói chuyện bình thường, sau đó chị N không gửi tiền về và vợ chồng không liên lạc với nhau. Năm 2018 chị N về Việt Nam, vợ chồng anh chị lại cãi chửi, đánh nhau. Tháng 5 năm 2019, chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H. Do được Tòa án hòa giải nên chị N đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ chung sống được khoảng 01 tháng. Đến tháng 6 năm 2019 chị N lại đi xuất khẩu lao động, sau khi về nước chị N cùng các con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã N, huyện H; vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[2.3] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhiều năm. Toà án cấp sơ thẩm đã cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Mai Xuân H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H có ba con chung là các cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007, cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 và cháu Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013. Cả chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu.

Anh Mai Xuân H cho rằng sau khi ly hôn chị N sẽ đi xuất khẩu lao động, lấy chồng và ở luôn bên đó còn anh là người công giáo sẽ không đi xây dựng gia đình nữa nên có thời gian và toàn tâm, toàn ý chăm lo cho các con. Anh có điều kiện về nhà cửa, đất đai và thời gian để trực tiếp chăm sóc nuôi dạy các cháu trưởng thành. Chị Phạm Thị N cho rằng sau khi chị đi xuất khẩu lao động các con ở với anh H nhưng anh H thường xuyên đánh đập, mắng chửi nên các con phải lên sống cùng bố mẹ đẻ chị tại thôn Q, xã N cho đến nay; chị vẫn thường xuyên gửi tiền về để bố mẹ chị nuôi dưỡng các con và nộp tiền học cho các con. Từ khi các con lên sống cùng với bố mẹ chị thì anh H không thăm nom hay chu cấp gì cho các cháu.

Xét về điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H đều đủ điều kiện và tương đương nhau. Chị Phạm Thị N và anh Mai Xuân H đều là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nếu giao cả ba cháu cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ rất khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng dẫn đến tình trạng không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Tại phiên toà chị N khẳng định chị không đi hợp tác lao động ở nước ngoài nữa, hợp đồng đã được thanh lý, chị ở nhà để nuôi dạy các con. Toà án cấp sơ thẩm đã giao cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 cho anh Mai Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các

cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Mai Thành L, sinh ngày 28/10/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi đồng thời chấp nhận việc chị Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trung K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Mai Thị Phương T, sinh ngày 07/9/2010 cùng anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu K, cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Xuân H, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Mai Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Mai Xuân H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000714 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Hoa Lư;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Văn Vinh

